

LUẬN ÁN TIẾN SĨ KINH TẾ
NGUYỄN HÙNG CƯỜNG. *Chính sách năng lượng tái tạo của một số nước trên thế giới và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam*

Chuyên ngành: Kinh tế quốc tế

Mã số: 62 31 01 06

Năng lượng có vai trò hết sức quan trọng trong sự phát triển của mỗi quốc gia. Việc sử dụng và khai thác các nguồn năng lượng truyền thống đã gây ra ô nhiễm môi trường và biến đổi khí hậu. Trong bối cảnh khủng hoảng năng lượng, việc triển khai năng lượng tái tạo là rất cần thiết để giải quyết biến đổi khí hậu, tạo ra các cơ hội phát triển kinh tế mới và cung năng lượng hiện đại cho người dân. Ở Việt Nam, mặc dù Chính phủ đã có nhiều chính sách hỗ trợ phát triển năng lượng tái tạo nhưng do khung chính sách chưa hoàn thiện, các công cụ chính sách sử dụng chưa phù hợp và đồng bộ, chông chéo và bất cập trong khâu thực thi nên năng lượng tái tạo chưa được phát triển, các dự án mới triển khai chậm và thu hút đầu tư còn hạn chế.

Nhằm góp phần làm sáng tỏ vấn đề trên, NCS. Nguyễn Hùng Cường đã lựa chọn chủ đề “Chính sách năng lượng tái tạo của một số nước trên thế giới và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam” cho đề tài luận án tiến sĩ của mình.

Ngoài phần mở đầu, kết luận, phụ lục và danh mục tài liệu tham khảo, bố cục của Luận án chia làm 4 chương.

Chương 1 *tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến luận án*

Ở chương này, Luận án khái quát các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước

liên quan đến lợi ích của năng lượng tái tạo, các rào cản phát triển năng lượng tái tạo, các chính sách năng lượng tái tạo của một số nước trên thế giới và Việt Nam, trong đó tập trung vào các nghiên cứu về năng lượng tái tạo ở Trung Quốc và Ấn Độ - hai quốc gia đang là động lực phát triển năng lượng tái tạo của châu Á và các nước phát triển. Các công trình nghiên cứu đã trình bày có hệ thống các cơ sở lý luận và thực tiễn về năng lượng tái tạo và đề cập một cách trực tiếp hoặc gián tiếp tới vấn đề năng lượng ở một chừng mực nhất định, vấn đề chính sách năng lượng tái tạo ở Việt Nam và một số nước trên thế giới, đặc biệt là hai nước Trung Quốc và Ấn Độ. Tuy nhiên, nghiên cứu trong nước về năng lượng tái tạo và chính sách năng lượng tái tạo trên phương diện cơ sở lý luận và thực tế rất hạn chế, chưa có đề tài nào nghiên cứu một cách đầy đủ, chuyên sâu và toàn diện các vấn đề liên quan đến chính sách năng lượng tái tạo ở các quốc gia này.

Chương 2 *hệ thống hóa một số vấn đề cơ sở lý luận về năng lượng tái tạo và chính sách năng lượng tái tạo*

Theo Luận án, *năng lượng tái tạo là năng lượng có nguồn gốc từ quá trình tự nhiên (như ánh sáng mặt trời và gió) được bổ sung với một tốc độ nhanh hơn so với chúng được tiêu thụ và thân thiện với môi trường*. Lợi thế của năng lượng tái tạo là giảm thiểu biến đổi khí hậu, giúp bảo vệ hệ sinh thái, tạo ra các lợi ích an ninh năng lượng mạnh mẽ,... nhưng nó lại có tính không ổn định, mật độ tập trung năng lượng thấp, đòi hỏi công nghệ cao và vận hành bảo dưỡng cao. Trên cơ sở làm rõ các

khái niệm, ưu nhược điểm và những rào cản phát triển năng lượng tái tạo, Luận án tập trung phân tích chính sách năng lượng tái tạo và các yếu tố ảnh hưởng tới chính sách này, đặc biệt là các chính sách năng lượng tái tạo của Trung Quốc, Ấn Độ - hai quốc gia có nhiều điểm tương đồng về kinh tế và xã hội với Việt Nam.

Chính sách năng lượng tái tạo ở đây được Luận án nêu rõ là cách thức mà một thực thể nhất định (thường là chính phủ) quyết định để giải quyết các vấn đề về phát triển năng lượng tái tạo bao gồm sản xuất, phân phối và tiêu dùng năng lượng tái tạo. Các thuộc tính của chính sách năng lượng tái tạo có thể bao gồm pháp luật, điều ước quốc tế, khuyến khích đầu tư, hướng dẫn bảo tồn năng lượng, thuế và các công cụ chính sách công khác.

Chương 3 phân tích thực trạng chính sách năng lượng tái tạo tại Trung Quốc và Ấn Độ

Sau hơn ba thập kỷ phát triển công nghiệp công nghệ thấp sử dụng năng lượng hóa thạch, chủ yếu là than, Trung Quốc đã trở thành nước gây ô nhiễm môi trường lớn nhất thế giới. Quốc gia này vừa là nạn nhân, vừa là thủ phạm của biến đổi khí hậu. Chính vì thế, các ưu tiên chiến lược và trọng điểm kinh tế của Trung Quốc hiện nay xoay quanh phát triển bền vững, phát thải carbon thấp và bảo vệ môi trường. Chính phủ nước này coi trọng việc phát triển năng lượng tái tạo và thiết lập các chính sách liên quan đến năng lượng tái tạo nhằm giải quyết những vấn đề quan trọng của đất nước.

Trung Quốc đã thiết lập các yếu tố quan trọng ngay từ đầu để đảm bảo hỗ trợ năng lượng tái tạo thành công dài hạn bằng khung chính sách năng lượng tái tạo toàn diện, đó là: i) Luật Năng lượng tái tạo (2005, sửa đổi 2009) đã luật hóa năng lượng tái tạo;

ii) Luật Năng lượng tái tạo và các kế hoạch 5 năm (FYP) cung cấp hướng dẫn cho việc hỗ trợ năng lượng tái tạo; iii) Trung Quốc có một danh mục lớn các công cụ chính sách khác nhau để thúc đẩy năng lượng tái tạo; iv) Chính phủ Trung Quốc cung cấp ưu đãi cho các doanh nghiệp đầu tư vào nghiên cứu và triển khai (R&D) nhằm tăng cường cạnh tranh quốc tế. Nước này đã vạch ra biện pháp thực hiện như: Cơ chế phát triển xanh (CDM), Danh mục tiêu chuẩn năng lượng tái tạo (RPS), Hỗ trợ nổi lưới, Thuế trợ cấp (FiT), Hướng dẫn tín dụng xanh (hỗ trợ cho vay),...

Có thể nói, Trung Quốc là nước đứng đầu thế giới trong lĩnh vực năng lượng tái tạo (về đầu tư, sản xuất, công suất lắp đặt) và trở thành một nhà lãnh đạo thế giới về năng lượng tái tạo, đặc biệt là năng lượng gió, năng lượng mặt trời và thủy điện. Mặc dù gặt hái nhiều thành công nhưng chính sách năng lượng tái tạo của Trung Quốc vẫn còn một số hạn chế, nhất là trong thực thi chính sách như: Mục tiêu RPS không được tuân thủ và hoàn thành; Bất cập trong triển khai FiT; Lưới điện không theo kịp sự phát triển của năng lượng tái tạo; Thiếu hụt công nghệ và nhân lực;...

Ấn Độ (có dân số lớn thứ hai trên thế giới) đang đối mặt với những thách thức năng lượng, đó là cần một lượng lớn công suất điện mới để đáp ứng nhu cầu năng lượng gia tăng nhanh chóng trong nước. Tiêu thụ năng lượng của Ấn Độ hiện nay chủ yếu dựa vào nhiên liệu nhập khẩu. Với tốc độ tăng trưởng 5% của sản xuất trong nước, tất cả các nguồn tài nguyên than hiện tại của Ấn Độ sẽ bị cạn kiệt trong khoảng 45 năm nữa. Ấn Độ là nước đứng thứ tư về phát thải nhà kính trên tổng lượng phát thải hàng năm của thế giới, phát thải hơn 5% lượng khí thải CO₂ toàn cầu. Nước này

đã có chính sách năng lượng tái tạo và chiến lược toàn diện ngay từ đầu để đảm bảo hỗ trợ năng lượng tái tạo dài hạn thành công, đó là: i) Luật hóa phát triển năng lượng tái tạo; ii) Xây dựng khung chính sách và sử dụng đa dạng công cụ chính sách khác nhau.

Các biện pháp được Ấn Độ vạch ra thực hiện như: Chính sách điện quốc gia (NEP), Cơ chế nghĩa vụ mua tái tạo (RPO) và giấy chứng nhận năng lượng tái tạo (REC), Chính sách quốc gia về nhiên liệu sinh học, Thuế trợ cấp (FiT), Khuyến khích sản xuất (GBI), Khấu hao nhanh (AD), Thuế than cho Quỹ năng lượng sạch.

Ấn Độ được đánh giá là nước có chỉ số hấp dẫn về năng lượng mặt trời. Công suất lắp đặt năng lượng tái tạo từ các nguồn phi truyền thống đạt tốc độ tăng trưởng hàng năm là 24,69% trong 10 năm qua. Tuy nhiên, chính sách năng lượng tái tạo của nước này không được đánh giá là thực thi có hiệu quả do: mức độ tuân thủ và hoàn thành RPO thấp, cơ sở hạ tầng nối lưới điện không đảm bảo, thiếu cơ sở dữ liệu đáng tin cậy về năng lượng tái tạo, thiếu tính minh bạch trong giải ngân quỹ môi trường,...

Chương 4: Chính sách năng lượng tái tạo của Việt Nam và giải pháp vận dụng bài học kinh nghiệm từ Trung Quốc và Ấn Độ

Chính phủ Việt Nam đã sử dụng nguồn năng lượng hóa thạch dồi dào trong nước để phát triển kinh tế. Việc chỉ tập trung vào phát triển năng lượng hóa thạch càng làm trầm trọng hơn vấn đề phát thải, ô nhiễm môi trường và biến đổi khí hậu của Việt Nam. Trong bối cảnh đó, Việt Nam đã xác định mục tiêu cho năng lượng tái tạo bằng cách thiết lập mục tiêu dài hạn cho cả năng lượng sản xuất và bổ sung công suất lắp đặt. Để đạt được các mục tiêu này, Việt Nam đã xây dựng chiến lược phát triển và

các công cụ chính sách thích hợp, tuy nhiên cả hai bước này vẫn được chưa hoàn thiện. Việt Nam đã có những quy định về pháp luật để thúc đẩy năng lượng thủy điện và một số quy định cho công nghệ năng lượng gió, tuy nhiên lại không có khái niệm chiến lược hay chính sách cho phép sự hỗ trợ hiệu quả của công nghệ tái tạo khác. Việt Nam vẫn đặt nặng tầm quan trọng vào việc thúc đẩy các nhiên liệu hóa thạch, đặc biệt là sản xuất điện khí.

Chính sách năng lượng tái tạo của Việt Nam còn tồn tại những hạn chế như: khung chính sách chưa hoàn thiện; giá điện thấp; năng lượng truyền thống chiếm ưu thế và độc quyền; khó khăn trong tiếp cận thị trường tiêu thụ; khó khăn trong tiếp cận nguồn tài chính; thiếu hụt công nghệ và sản xuất trong nước chưa phát triển; tác động môi trường và xã hội.

Trên cơ sở phân tích bối cảnh năng lượng, các yếu tố ảnh hưởng và thực trạng chính sách năng lượng tái tạo của Trung Quốc, Ấn Độ và Việt Nam, Luận án chỉ ra những thành công và hạn chế, so sánh chính sách năng lượng của ba nước nhằm rút ra bài học kinh nghiệm cho Việt Nam. Có thể nói, bài học thành công và thất bại của Trung Quốc và Ấn Độ trong xây dựng và thực thi chính sách năng lượng tái tạo là rất hữu ích cho Việt Nam. Từ những bài học kinh nghiệm của hai nước, Luận án đề xuất một số giải pháp tăng cường chính sách năng lượng tái tạo nhằm phát triển năng lượng tái tạo ở Việt Nam.

Luận án được bảo vệ thành công tại Hội đồng chấm luận án cấp học viện, họp tại Học viện Khoa học xã hội, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam năm 2017.

TA.
giới thiệu